

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 3

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số.

a. Cộng, trừ các phân số cùng mẫu số

Quy tắc: Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số cùng mẫu số ta cộng (hoặc trừ) hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.

Ví dụ 1: $\frac{2}{9} + \frac{5}{9} = \frac{2+5}{9} = \frac{7}{9}$

Ví dụ 2: $\frac{13}{15} - \frac{7}{15} = \frac{13-7}{15} = \frac{6}{15} = \frac{2}{5}$

Lưu ý: Sau khi làm phép tính cộng (hoặc trừ) hai phân số, nếu thu được phân số chưa tối giản thì ta phải rút gọn thành phân số tối giản.

b. Cộng, trừ các phân số khác mẫu số

Quy tắc: Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số khác mẫu số ta quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số đã quy đồng.

Ví dụ 1: $\frac{2}{3} + \frac{2}{3} = \frac{2}{3} + \frac{2}{3} = \frac{2}{3} + \frac{2}{3} = \frac{4}{3}$

Ví dụ 2: $\frac{5}{6} - \frac{3}{5} = \frac{25}{30} - \frac{18}{30} = \frac{25-18}{30} = \frac{7}{30}$

c. Tính chất của phép cộng phân số

+ **Tính chất giao hoán:** Khi đổi chỗ các phân số trong một tổng thì tổng của chúng không thay đổi.

+ **Tính chất kết hợp:** Khi cộng một tổng hai phân số với phân số thứ ba thì ta có thể cộng phân số thứ nhất với tổng của hai phân số còn lại.

+ **Cộng với số 0:** Phân số nào cộng với 0 cũng bằng chính phân số đó.

Lưu ý: ta thường áp dụng các tính chất của phép cộng phân số trong các bài tính nhanh.

2. Hỗn số

- **Khái niệm:** Hỗn số gồm hai thành phần là phần nguyên và phần phân số.

Ví dụ: Cho hỗn số $2\frac{1}{4}$

Phần nguyên của hỗn số là 2 và phần phân số là $\frac{1}{4}$.

Hỗn số $2\frac{1}{4}$ được đọc là “hai và một phần tư” hoặc “hai và một phần tư”.

Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng nhỏ hơn 1.

Khi đọc (hoặc viết) hỗn số, ta đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) phần phân số.

- Cách chuyển hỗn số thành phân số

- Tử số bằng phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số ở phần phân số.

- Mẫu số bằng mẫu số ở phần phân số

Ví dụ: Chuyển hỗn số $3\frac{1}{4}$ thành phân số: $3\frac{1}{4} = \frac{3 \times 4 + 1}{4} = \frac{13}{4}$

- Cách chuyển phân số thành hỗn số

- Tính phép chia tử số cho mẫu số

- Giữ nguyên mẫu số của phần phân số

- Tử số bằng số dư của phép chia tử số cho mẫu số

- Phần nguyên bằng thương của phép chia tử số cho mẫu số

Ví dụ: Chuyển phân số $\frac{15}{2}$ thành hỗn số:

Ta có: $15 : 2 = 7$ dư 1. Vậy phân số đã cho được viết dưới dạng hỗn số là: $\frac{15}{2} = 7\frac{1}{2}$

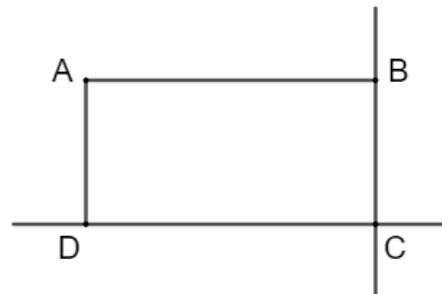
3. Ôn tập hình học và đo lường

a. Hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc

Hai đường thẳng vuông góc

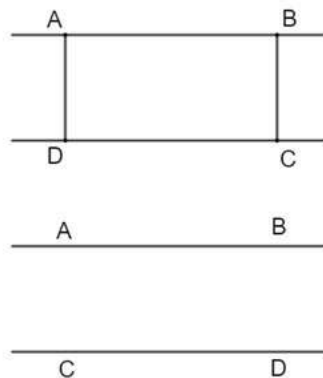
*) Kéo dài hai cạnh BC và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng vuông góc với nhau.

*) Hai đường thẳng BC và CD vuông góc với nhau tạo thành bốn góc vuông có chung đỉnh C.



Hai đường thẳng song song

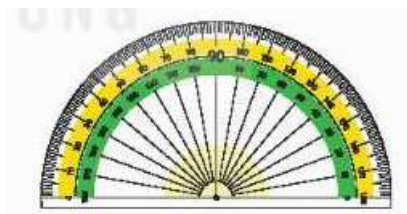
Kéo dài hai cạnh AB và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng song song với nhau. Hai đường thẳng song song không bao giờ cắt nhau



b. Góc, đơn vị đo của góc. Đơn vị đo của góc

Đơn vị đo của góc là độ. Kí hiệu là $^{\circ}$. Người ta thường sử dụng thước đo góc để đo số đo của góc

Cách đo góc: Đặt thước đo góc sao cho tâm của thước trùng với đỉnh của góc, một cạnh của góc nằm trên đường kính của hình tròn của thước. Cạnh còn lại của góc sẽ đi qua một vạch trên nửa đường tròn của thước. Đọc số đo trên vạch trùng với cạnh còn lại ta được số đo của góc.



c. Đơn vị đo độ dài

$$1\text{km} = 1000\text{m}$$

$$1\text{m} = 10\text{dm}$$

$$1\text{dm} = 10\text{cm}$$

$$1\text{cm} = 10\text{mm}$$

$$1\text{m} = 100\text{cm}$$

$$1\text{dm} = 100\text{mm}$$

d. Đơn vị đo khối lượng

Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng những đơn vị: yến, tạ, tấn

$$1\text{yến} = 10\text{kg}$$

$$1\text{tạ} = 100\text{kg}$$

$$1\text{tấn} = 1000\text{kg}$$

$$1\text{tạ} = 10\text{yến}$$

$$1\text{tấn} = 10\text{tạ}$$

e. Đơn vị đo thời gian

$$1\text{phút} = 60\text{giây}$$

$$1\text{giờ} = 60\text{phút}$$

$$1\text{thế kỉ} = 100\text{năm}$$

Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ một (thế kỉ I)

Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ hai (thế kỉ II)

Từ năm 201 đến năm 300 là thế kỉ ba (thế kỉ III)

....

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ hai mươi (thế kỉ XX)

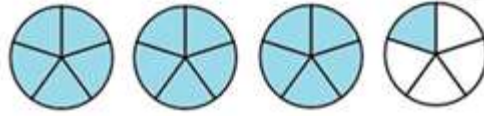
Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt (thế kỉ XXI)

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Phần I. Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hỗn số thích hợp biểu diễn số phần hình tròn được tô màu điền vào chỗ chấm là :



A. $3\frac{1}{5}$

B. $2\frac{6}{12}$

C. $4\frac{1}{5}$

D. $3\frac{4}{5}$

Câu 2: Một vòi nước giờ thứ nhất chảy được $\frac{1}{3}$ bể nước, giờ thứ hai chảy được $\frac{2}{7}$ bể nước. Hỏi sau hai giờ vòi nước đó chảy được bao nhiêu phần bể nước?

A. $\frac{3}{10}$ bể nước

B. $\frac{13}{21}$ bể nước

C. $\frac{3}{4}$ bể nước

D. $\frac{23}{21}$ bể nước

Câu 3: Hộp thứ nhất đựng $\frac{1}{4}$ kg kẹo, hộp thứ hai đựng nhiều hơn hộp thứ nhất $\frac{3}{8}$ kg kẹo nhưng ít hơn hộp thứ ba $\frac{1}{5}$ kg kẹo. Hỏi cả ba hộp đựng bao nhiêu ki-lô-gam kẹo?

A. $\frac{7}{5}$ kg

B. $\frac{17}{10}$ kg

C. $\frac{27}{20}$ kg

D. $\frac{68}{40}$ kg

Câu 4: Một quầy lương thực buổi sáng bán được $\frac{2}{7}$ tổng số gạo, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng $\frac{1}{5}$ tổng số gạo. Hỏi số gạo còn lại chiếm bao nhiêu phần số gạo của quầy lương thực đó?

A. $\frac{4}{35}$ tổng số gạo

B. $\frac{8}{35}$ tổng số gạo

C. $\frac{27}{35}$ tổng số gạo

D. $\frac{17}{35}$ tổng số gạo

Câu 5: Hỗn số $6\frac{2}{5}$ được viết dưới dạng phân số là:

A. $\frac{5}{32}$

B. $\frac{17}{5}$

C. $\frac{32}{5}$

D. $\frac{16}{5}$

Câu 6: Khi chuyển phân số $\frac{58}{9}$ thành hỗn số ta được phân số là:

A. $6\frac{4}{9}$

B. $5\frac{13}{9}$

C. $6\frac{7}{9}$

D. $5\frac{4}{9}$

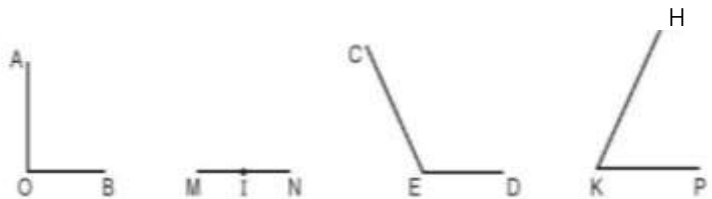
Câu 7: Góc nhọn trong hình vẽ sau là:

A. Góc đỉnh O, cạnh OA, OB

B. Góc đỉnh I, cạnh IM, IN

C. Góc đỉnh E, cạnh EC, ED

D. Góc đỉnh K, cạnh KP, KH



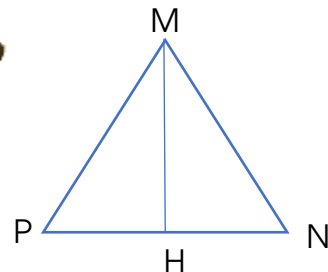
Câu 8: Hình vẽ bên có góc vuông. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



Câu 9: Đồng hồ nào sau đây có kim giờ và kim phút tạo thành góc có số đo bằng 90 ?



Câu 10. An mua một hộp bút và một ba lô. Một hộp bút có giá tiền là 25 000 đồng. Một ba lô có giá tiền gấp 3 lần một hộp bút. An đưa cô bán hàng 200 000 đồng. Vậy cô bán hàng cần trả lại An số tiền là:

- A. 75 000 đồng B. 125 000 đồng C. 175 000 đồng D. 100 000 đồng

Câu 11: Tính 12 yến + 32 yến bằng bao nhiêu ki-lô-gam?

- A. 44kg B. 50kg C. 440kg D. 4400kg

Câu 12: So sánh 2000kg với 200 yến, ta được:

- A. 2000kg > 200 yến B. 2000kg < 200 yến
C. 2000kg = 200 yến D. 200 yến < 200 yến

Câu 13: 5 tấn 2kg = ...kg

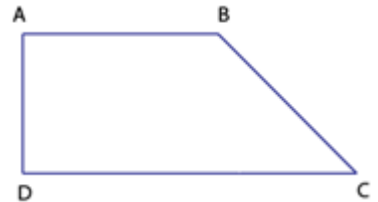
- A. 5002 B. 502 C. 520 D. 50002

Câu 14: Kinh đô được dời từ Hoa Lư về thành Đại La vào tháng 7 năm 1010. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

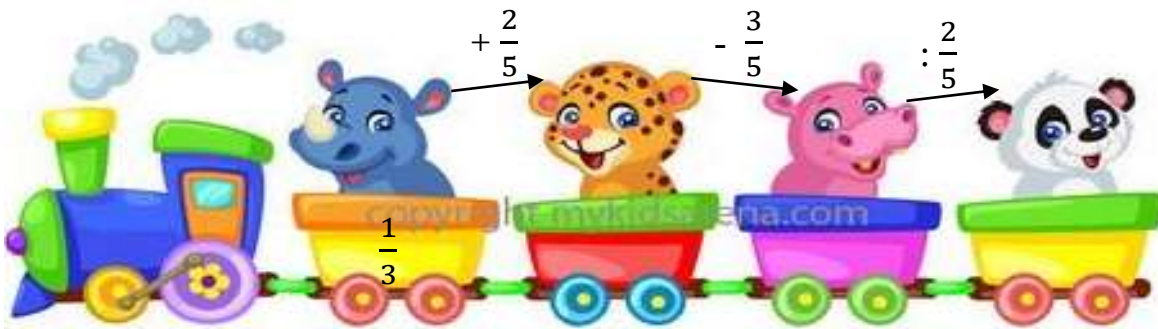
- A. X B. XI C. XIX D. XII

Câu 15: Trong hình thang sau, em hãy chỉ ra góc, đỉnh, cạnh của góc tù.

- A. góc tù đỉnh A, cạnh BA; BC B. góc tù đỉnh B, cạnh BA; BC
C. góc tù đỉnh A, cạnh AB; AC D. góc tù đỉnh C, cạnh BC ; BA



Bài 2: Viết số thích hợp vào mỗi toa tàu



Phần 2: Tự luận

Bài 1. Tính

a) $\frac{1}{7} + \frac{5}{6} =$

b) $\frac{2}{3} + \frac{1}{2}$

c) $\frac{3}{5} - \frac{3}{8}$

$\frac{3}{4} + \frac{5}{6}$

$\frac{7}{6} - \frac{1}{8}$

$\frac{5}{6} + \frac{7}{9}$

$\frac{1}{2} + \frac{1}{8}$

$\frac{17}{18} - \frac{5}{6}$

$\frac{2}{3} - \frac{4}{9}$

$1 - \frac{3}{10}$

$4 - \frac{2}{3}$

$5 - \frac{2}{5}$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

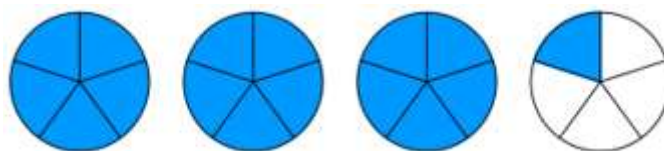
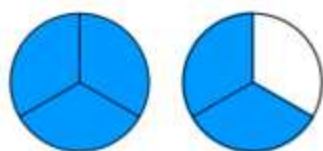
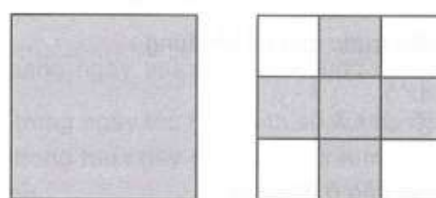
$$a) \frac{3}{2} + \frac{1}{3} - \frac{7}{8}$$

$$b) \frac{5}{2} - \frac{1}{5} + \frac{9}{4}$$

$$c) \frac{43}{8} - \frac{5}{9} : \frac{1}{9}$$

$$d) 3 - \frac{2}{3} \times \frac{6}{7}$$

Bài 3: Dựa vào hình vẽ để viết rồi đọc hỗn số thích hợp:



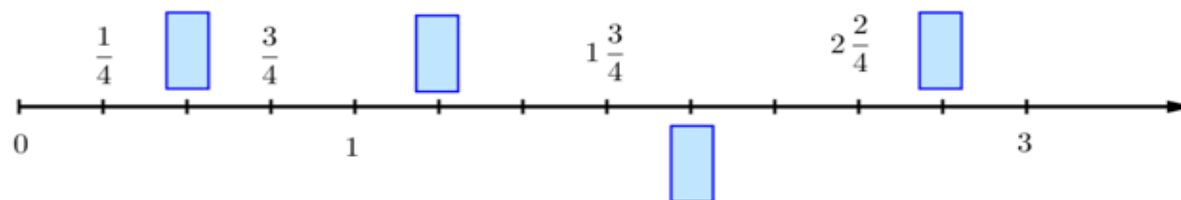
Bài 4: Viết các hỗn số và phân số tương ứng trong các tình huống sau:

a. Có 2 quả dưa và một nửa quả dưa

b. Có 3 chai sữa và $\frac{1}{4}$ chai sữa

c. Có 1 cái bánh và $\frac{2}{5}$ cái bánh

Bài 5: Viết số, phân số, hỗn số thích hợp vào ô trống.



Bài 6: Viết các hỗn số sau

a) Mười ba và hai mươi lăm phần ba mươi tám

b) Ba mươi tám và bảy phần mười lăm

c) Sáu và chín phần mười

d) Hai trăm mười hai và ba phần bảy

Bài 7: Đọc các hỗn số sau và chỉ ra đâu là phần nguyên, phần phân số của mỗi hỗn số:

$$a) 5\frac{2}{3}$$

$$b) 4\frac{7}{9}$$

$$c) 5\frac{11}{13}$$

Bài 8: Chuyển các hỗn số sau thành phân số:

$$3\frac{2}{5}; 2\frac{4}{9}; 7\frac{3}{8}; 15\frac{1}{10}$$

Bài 9: Chuyển các phân số sau thành hỗn số: $\frac{32}{5}; \frac{25}{7}; \frac{73}{8}; \frac{17}{6}$

Bài 10. Viết các số đo theo mẫu:

$$\text{Mẫu : } 5m 7dm = 5m + \frac{7}{10}m = 5\frac{7}{10}m$$

a) 8m 9dm

b) 4m 87cm.

c) 5kg 423g



Bài 11: Một người thợ lát sân. Buổi sáng lát được $\frac{3}{9}$ sân, buổi chiều lát được $\frac{1}{4}$ sân. Hỏi còn lại bao nhiêu phần sân chưa được lát?

Bài 12: Phương, Hòa cùng hái dâu tây. Phương hái được 1 hộp và $\frac{1}{2}$ hộp, Hòa hái được 2 hộp và $\frac{3}{4}$ hộp. Viết hỗn số biểu diễn số hộp dâu tây mà mỗi bạn hái được.



Bài 13: Người ta hòa $\frac{1}{2}l$ si-rô nho vào $\frac{7}{4}l$ nước lọc để pha nước nho. Rót đều nước nho đó vào các cốc, mỗi cốc chứa $\frac{1}{4}l$

. Hỏi rót được mấy cốc nước nho?



Bài 14: Chú Minh thuê một số người thợ lát sàn gỗ cho căn phòng hình chữ nhật dài 7m và rộng 5m. Cứ 5m^2 sàn gỗ chú phải trả 250 000 đồng (gồm cả tiền sàn gỗ và tiền công). Hỏi chú Minh phải trả những người thợ đó bao nhiêu tiền để lát hết căn phòng đó?

Bài 15: Một công viên có dạng hình chữ nhật có chiều dài 40m, chiều rộng 25m. Trong đó diện tích để xây khu vui chơi cho trẻ em chiếm $\frac{2}{5}$ diện tích của công viên, còn lại để làm lối đi và trồng cây xanh. Tính diện tích phần đất dùng để làm lối đi và trồng cây xanh.



Bài 16*: Có 8 cái bánh và 6 bạn nhỏ. Em hãy chỉ ra 2 cách chia bánh sao cho mỗi bạn được số phần bánh như nhau. Viết hỗn số chỉ số bánh của mỗi bạn.

